

KHỐI 3 TUỔI
MỤC TIÊU GIÁO DỤC, NỘI DUNG GIÁO DỤC (88 MT)

Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
1. Giáo dục phát triển thể chất.	
1.1. Phát triển vận động	
a. Thực hiện được các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp	
MT1: Trẻ thực hiện đầy đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	<ul style="list-style-type: none"> + Thể dục buổi sáng. + Thể dục phát triển vận động. (Tại phần tập bài tập phát triển chung) - Hô hấp: hít vào, thở ra - Tay: <ul style="list-style-type: none"> + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên; + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. - Lưng, bụng, lườn: <ul style="list-style-type: none"> + Cúi người phía trước. + Quay sang trái, quay sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: <ul style="list-style-type: none"> + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân. - Bật: <ul style="list-style-type: none"> + Bật tại chỗ, + Bật tách chum.
b. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động	
MT2. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi	<ul style="list-style-type: none"> - Đi: <ul style="list-style-type: none"> + Đi kiễng gót + Đi trong đường hẹp
MT3. Trẻ kiểm soát vận động khi thay đổi hướng	<ul style="list-style-type: none"> - Đi và chạy: <ul style="list-style-type: none"> + Đi, chạy thay đổi theo hiệu lệnh. + Chạy nhanh 10m + Đi, chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc.
MT4. Trẻ biết phối hợp tay - mắt và thực hiện trong vận động tung, ném, bắt.	<ul style="list-style-type: none"> - Tung, ném, bắt: <ul style="list-style-type: none"> + Lăn, đập, tung bắt bóng với cô + Tung bóng lên cao bằng 2 tay + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Ném xa bằng 1 tay + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc
MT5. Trẻ biết thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập bật, nhảy.	<ul style="list-style-type: none"> - Bật-nhảy: <ul style="list-style-type: none"> + Bật tại chỗ

	<ul style="list-style-type: none"> + Bật về phía trước. + Bật xa 20 - 25 cm
MT6. Trẻ biết phối hợp tay, chân, mắt trong vận động bò, trườn	<ul style="list-style-type: none"> - Bò, trườn, trèo: + Bò, trườn theo hướng thẳng, dích dắc + Bò chui qua cổng. + Trườn về phía trước + Bước lên xuống bậc cao (cao 30cm)
<i>c. Thực hiện phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt...</i>	
MT7. Trẻ thực hiện được các vận động của ngón tay, cổ tay	<ul style="list-style-type: none"> + Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay + Đan, tết.
MT8. Trẻ biết phối hợp với cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động:	<ul style="list-style-type: none"> + Xếp chồng các hình khối khác nhau + Xé, dán giấy + Sử dụng kéo, bút. + Tô vẽ nguệch ngoạc + Cài, cởi cúc áo
1.2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
<i>a. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe</i>	
MT9. Trẻ biết nhận biết một số thực phẩm quen thuộc qua tranh ảnh, thực tiễn.	+ Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc
MT10. Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày(trứng rán, cá kho canh rau..)	+ Nhận biết các món ăn trong bữa ăn hàng ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.
MT11: Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau	<ul style="list-style-type: none"> + Biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. + Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật.(ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì..)
<i>b. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt</i>	
MT12. Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn.	<ul style="list-style-type: none"> + Làm quen với cách đánh răng, lau mặt. + Tập rửa tay bằng xà phòng. + Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh
MT13. Trẻ biết sử dụng cầm bát, thìa, cốc đúng cách	<ul style="list-style-type: none"> + Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, không đổ thức ăn. + Tập một số kỹ năng tốt về việc sử dụng đồ dùng.
<i>c. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe</i>	
MT14. Trẻ biết nhận ra có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở; uống nước đã đun sôi...	<ul style="list-style-type: none"> + Biết ăn chín uống sôi. + Mòi trước khi ăn. + Nhai kỹ khi ăn + Dùng thìa xúc ăn (không dùng tay cầm, bốc thức ăn). + Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác

	nhau.
MT15. Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở;	+ Biết vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, đi giày khi đi học. + Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt. + Đi vệ sinh đúng nơi quy định. + Bỏ rác đúng nơi quy định.
d. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh	
MT16. Trẻ biết nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...)khi được nhắc nhở.	+ Tìm hiểu những đồ vật có thể gây nguy hiểm có ở môi trường xung quanh. + Không đến gần những đồ vật nguy hiểm + Không chơi gần những nơi nguy hiểm.
MT17. Trẻ biết tránh những nơi nguy hiểm (hồ,ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi..) khi được nhắc nhở.	+ Nhận ra những nơi không an toàn, những nơi nguy hiểm ở xung quanh. (ao, hồ, ruộng nước, bể chứa nước..) + Không đến gần những nơi nguy hiểm.
MT18. Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở.	+ Nhận biết và tránh những tác hại của việc cười đùa trong ăn uống và khi ăn các loại quả có hạt.. + Biết không nên ăn thức ăn có mùi ôi, không ăn lá, quả lạ... + Không ra khỏi trường khi không được cô giáo cho phép.
MT19. Trẻ nhận ra 1 số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.	+ Biết gọi người lớn khi gặp 1 số trường hợp khẩn cấp: Cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. + Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.
2. Giáo dục phát triển nhận thức.	
2.1. Khám phá khoa học	
a. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng	
MT20: Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng, hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Một số hiện tượng nắng, mưa, nóng lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Một số dấu hiệu thay đổi của ngày và đêm.
MT21: Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn ,nghe, ngửi, sờ...để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng	- Đồ dùng, đồ chơi. - 4 nhóm thực phẩm. - Đặc điểm bên ngoài, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. - Đặc điểm công dụng của 1 số phương tiện giao thông và một số biển áo giao thông đường bộ. - Một số nghề phổ biến trong xã hội. - Nước và hiện tượng tự nhiên.

MT22: Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn, để quan sát, tìm hiểu đối tượng.	- Một vài đặc điểm tính chất nước đất, đá, cát, sỏi. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày.
MT23: Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh, trò chuyện về đối tượng.	- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. - Ích lợi của nước đối với cuộc sống của con người, con vật, cây.
MT24: Trẻ biết phân loại các đối tượng theo 1 dấu hiệu nổi bật.	- Phân loại hoa, quả, con vật theo dấu hiệu nổi bật
<i>b. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản</i>	
MT25: Trẻ biết nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.
<i>c. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau</i>	
MT26. Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	- Cách chăm sóc bảo vệ con vật gần gũi.
MT27: Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình.	- Thể hiện vai chơi trong TC đóng vai theo CD Gia đình, phòng khám bệnh, xây dựng công viên... - Hát các bài hát về cây, con vật - Vẽ, xé, dán, nặn con vật, cây, đồ dùng, đồ chơi, PTGT đơn giản.
2.2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán.	
<i>a. Nhận biết số đếm, số lượng</i>	
MT28. Trẻ biết quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Số lượng và đếm trong phạm vi 5. - 1 và nhiều.
MT29. Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5 .	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.
MT30. Trẻ biết so sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh về số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5.
MT31. Trẻ biết gộp và đếm 2 nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm.
MT32. Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm.	- Tách 1 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm nhỏ.
<i>b. Sắp xếp theo quy tắc</i>	

MT33. Trẻ biết nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản(Mẫu) và sao chép lại	- Qui tắc sắp xếp đơn giản. - Xếp xen kẽ.
c. So sánh 2 đối tượng	
MT 34: Trẻ biết so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: To hơn / nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	- So sánh 2 đối tượng về kích thước: To hơn / nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.
d. Nhận biết hình dạng	
MT35. Trẻ nhận biết nhận dạng và gọi tên các hình: Hình tròn, hình vuông, hình tam giác. hình chữ nhật.	-Nhận biết gọi tên hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để ghép.
d. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian	
MT36. Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân	- Nhận biết phía trên- phía dưới, phía trước- phía sau, tay phải- tay trái của bản thân.
2.3. Khám phá xã hội.	
a. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng	
MT37. Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên tuổi giới tính của bản thân - Một số chức năng và một số bộ phận trên cơ thể.
MT38. Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong GD	- Tên bố mẹ, các thành viên trong gia đình.
MT39: Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Địa chỉ của gia đình trẻ.
MT40. Trẻ nói được tên trường, lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.
b. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương	
MT41: Trẻ biết kê tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng...khi được xem tranh.	-Tên gọi và sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.
c. Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh.	
MT42. Trẻ biết kê tên một số lễ hội:	- Ngày hội đèn trường của bé. - Ngày tết trung thu. - Ngày quốc phòng toàn dân. - Ngày tết và mùa xuân. - Ngày sinh nhật Bác Hồ 19/5. - Ngày tết thiếu nhi 1/6.
MT43. Trẻ biết kê tên một số danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	- Cờ tổ quốc. - Tên của di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh.

	- Ngày lễ hội của địa phương.
3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ	
a. Nghe hiểu lời nói	
MT44. Trẻ thực hiện được những yêu cầu đơn giản. VD: “Cháu hãy lấy quả bóng ném vào rổ”	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.
MT45. Trẻ hiểu nghĩa của từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa quả....	- Hiểu các từ đơn giản chỉ người, đồ vật, sự vật hành động, hiện tượng gần gũi quen thuộc.
MT46. Trẻ biết lắng nghe và hiểu được câu hỏi của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè, phù hợp với độ tuổi.
b. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày	
MT47. Trẻ nói rõ các tiếng	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt.
MT48. Trẻ biết sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm....	- Sử dụng các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm phù hợp với từng tình huống. - Trả lời và đặt câu hỏi: “Ai”; “Cái gì”; “Ở đâu”...
MT49. Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ nhu cầu tình cảm hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép, câu mở rộng.
MT50: Trẻ biết kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Thăm ông bà, đi chơi, xem phim.	- Nói và thể hiện của chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
MT51. Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao.	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.
MT52. Trẻ biết kể lại chuyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.
MT53. Trẻ biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Kể lại sự việc. - Đóng vai theo lời dẫn truyện của giáo viên.
MT54: Trẻ biết sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa.... trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.
MT55: Nói đủ nghe, không nói lí nhí.	- Nói to rõ ràng. - Không nói ngọng, nói lắp.
c. Làm quen với việc đọc – viết.	
MT56: Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.	- Xem, nghe đọc các loại sách khác nhau. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. - Tiếp xúc với chữ, sách truyện.

	- Giữ gìn sách.
MT57: Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh	- Đọc “đọc” truyện qua tranh vẽ.
MT58: Trẻ thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc.	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt. + Hướng đọc viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
MT 59: Nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống	- Làm quen với 1 số kí hiệu thông thường trong cuộc sống: kí hiệu nhà vệ sinh nam, nhà vệ sinh nữ, lối ra, lối thoát hiểm; biển báo giao thông.
4. Giáo dục phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội	
a. Thể hiện ý thức về bản thân.	
MT60. Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên tuổi, giới tính.
MT61: Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	- Những điều bé thích, khả năng của bản thân.
b. Thể hiện sự tự tin, tự lực	
MT62: Trẻ biết mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Nói và thể hiện của chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
MT63: Trẻ biết cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,	- Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,
c. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.	
MT64. Trẻ nhận biết nhận ra cảm xúc vui buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.
MT65. Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói: Trò chơi, hát, vận động.
MT66. Trẻ biết nhận ra hình ảnh Bác Hồ	- Nhận được Bác Hồ, lắng Bác Hồ qua hình ảnh, tranh, báo...
MT67. Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ. Cùng cô kể chuyện về Bác. - Kính yêu Bác Hồ.
d. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội.	
MT68 Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình:	- Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ. Đề đồ dùng, đồ chơi đúng nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Chào cô chào bạn khi đến lớp và khi về

	- Vâng lời người lớn.
MT69. Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.	- Cử chỉ, lời nói, lễ phép. (Chào hỏi; cảm ơn) - Nhận biết hành vi đúng sai, tốt xấu.
MT70. Trẻ biết chú ý nghe cô, bạn nói.	- Thể hiện sự tôn trọng cô giáo và bạn bè. - Lắng nghe ý kiến của người khác.
MT71. Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi hòa thuận với bạn bè. - Chờ đến lượt. - Chơi theo nhóm nhỏ. - Giúp đỡ bạn trong nhóm chơi.
e. Quan tâm đến môi trường	
MT72. Trẻ thích quan sát cảnh vật và chăm sóc cây	- Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Tiết kiệm điện, nước. - Bảo vệ chăm sóc con vật, cây cối.
MT73: Trẻ biết bỏ rác đúng nơi qui định.	- Biết bỏ rác đúng nơi qui định.
5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ.	
a. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật	
MT74. Trẻ biết vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.
MT75. Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, nhạc dân ca).
MT76: Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng,...) của các tác phẩm tạo hình.	- Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng,...) của các tác phẩm tạo hình. -
b. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và tạo hình.	
MT77. Trẻ hát tự nhiên, hát được giai điệu của bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu lời ca của bài hát phù hợp với lứa tuổi.
MT78. Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát quen thuộc.	- Vận động đơn giản theo giai điệu của bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, theo nhịp.
MT79. Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc(Vỗ tay theo	- Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc.

phách, nhịp, vận động minh họa)	
MT80. Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm đẹp theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên liệu, vật liệu trong tự nhiên tạo hình để tạo ra sản phẩm. - Cảm nhận được vẻ đẹp nổi bật của tác phẩm tạo hình. - Nhận xét về tác phẩm nghệ thuật.
MT81. Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản.
MT82 : Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.
MT83: Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Sử dụng một số kỹ năng lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.
MT84: Trẻ biết xếp chồng, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	-Sử dụng kỹ năng xếp chồng, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.
MT85: Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình.
<i>c. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật(âm nhạc, tạo hình)</i>	
MT86. Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/ghe các hát bản nhạc, quen thuộc.
MT87. Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tạo ra sản phẩm đơn giản theo ý thích.
MT88: Trẻ biết đặt tên cho các sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.